TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **457**/2020/HS-ST
Ngày 26-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 404/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 443/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 630/2020/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Lê Hồ V**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Số 362, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Số 362, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Họ tên cha: Lê Văn N, sinh năm 1962 (còn sống); Họ tên mẹ: Trần Thị O, sinh năm 1966 (còn sống); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997 (không đăng ký kết hôn) có 01 con gái tên Lê Hoàng Bảo V, sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- *Bị hại*: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 8/95, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Duy H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 12, khu phố A, phường A, TP. B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

+ Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: B26, tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Đầu tháng 01 năm 2020, Lê Hồ V, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú số 362, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai xin vào làm công nhân của Công ty TNHH T kinh doanh mua bán sắt thép thuộc tổ A, khu phố Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Đặng Thị B, sinh năm 1973, ngụ tại số 08/95, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm Giám đốc. Trong quá trình làm việc V quan sát được Công ty T không có người trông coi, chị B đi làm về chỉ khoá cửa ngoài công ty. V làm việc được 02 ngày thì vi phạm nội quy công ty nên bị chị B đuổi việc. Do cần tiền mua sắm đồ nhưng không có việc làm nên V nảy sinh ý định đột nhập vào công ty trộm cắp tài sản.

Khoảng 04 giờ ngày 20/01/2020, V đi bộ đến Công ty Trí H rồi trèo qua tường rào và trèo qua cây sung cạnh trụ sở công ty để lên lan can tầng lầu. Nhìn thấy cửa vào tầng lầu đã rỉ sét nên V nâng cạnh cửa để tạo một lỗ hổng chui vào trong trụ sở. V đi xuống tầng trệt rồi dùng một thanh sắt dài 80 cm lấy trong kho sắt của công ty để cạy bung ổ khoá phòng làm việc của chị B. Sau khi đột nhập vào phòng chị B, V lấy trộm 01 máy tính xách tay hiệu Acer, và số tiền mặt 750.000 đồng. V đem tài sản trộm cắp được về nhà. Đến sáng ngày 22/01/2020, V đến tiệm vi tính "Hà G" tại số 12, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Đỗ Duy H, sinh năm 1980 làm chủ và bán máy tính nói trên được 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), V đã tiêu xài hết số tiền

này trong quá trình bỏ trốn. Cùng ngày 20/01/2020, chị B trình báo công an phường P lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cơ quan điều tra Công an Thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Acer, Model 4736Z V đã bán cho tiệm vi tính "Hà G" tại số 12, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Đỗ Duy H làm chủ; anh H đã bán cho người khác nên không thu hồi được;

- Số tiền 1.100.000 đồng và 750.000 đồng, V đã tiêu xài hết không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/TCKH-HĐĐG ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã định giá trị 01 máy vi tính xách tay nhân hiệu Acer, Model 4736Z có tổng trị giá là 1.490.000 đồng (một triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

Về dân sự: Bị hại Đặng Thị B không yêu cầu bồi thường.

2. Các vấn đề khác:

Riêng đối với Đỗ Duy H là người mua máy tính của V không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 422/CT-VKSBH-HS ngày 16/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Hồ V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Hồ V từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Bị cáo V có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

***3. Lời nói sau cùng*:** Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại chị Đặng Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn H1, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đỗ Duy H mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nh ận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 04 giờ ngày 20/01/2020, tại Công ty TNHH T thuộc tổ A, khu phố Đ, phường P, Thành phố B, Lê Hồ V đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Đặng Thị B gồm 01 máy tính xách tay hiệu Acer, trị giá 1.490.000 đồng và tiền mặt 750.000 đồng. Tổng giá trị trộm cắp là 2.240.000 đồng.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Lê Hồ V phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 422/CT-VKSBH-HS ngày 16/7/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "trộm cắp tài sản" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người không có nghề nghiệp, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đang đi làm để nuôi cha già, con nhỏ sinh năm 2015 và vợ đang mang thai những tháng cuối thai kỳ được địa phương xác nhận quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Hồ V có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết.

Xét bị cáo V có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo nên cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về vật chứng:

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Acer, Model 4736Z V đã bán cho tiệm vi tính "Hà G" tại số 12, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Đỗ Duy H làm chủ; anh H đã bán cho người khác nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về các vấn đề khác có liên quan tới vụ án:

Riêng đối với Đỗ Duy H là người mua máy tính của V không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại chị Đặng Thị B không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Tuyên bố bị cáo Lê Hồ V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lê Hồ V 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồ V cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hồ V nộp lại số tiền 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) do thu lợi bất chính.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Hồ V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL,NV liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hòa